| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 955/2023/KDTM-PT
Ngày: 18/9/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thu Chinh.

*Các Thẩm phán*: Bà Hà Thanh Thủy

Bà Hoàng Thị Bích Thảo

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Trịnh Ngọc Hân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Việt Anh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 18 tháng 9 năm 2023 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/KDTMPT ngày 21 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/KDTM-ST ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận Tân Phú bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3004/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11360/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần cáp điện TP

Địa chỉ trụ sở: số 51 đường B4, phường A, Thành phố A1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Chí C - là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 10/11/2021).

Địa chỉ: 35 đường số 10, phường A, Thành phố A1, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Công ty Cổ phần V.

Địa chỉ trụ sở: Số 64 đường D, phường D1, quận D2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: ông Nguyễn Đức A - là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 01/2023/UQTT ngày 14/3/2023).

Địa chỉ : 232 đường H, phường H1, quận H2, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người kháng cáo:** Công ty cổ phần V.

(Các đương sự có mặt tại tòa)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong Đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Cổ phần cáp điện TP có ông Phan Chí C là Người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 08/10/2020, Công ty Cổ phần cáp điện TP (sau đây gọi là TP) và Công ty Cổ phần V (sau đây gọi là V) ký kết hợp đồng số 1623/2020/HĐMB-TP-V (sau đây gọi là Hợp đồng). Nội dung của Hợp đồng: TP bán sản phẩm cáp điện cho V, giá trị hợp đồng là 1.547.965.606 (một tỷ năm trăm bốn mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi lăm sáu trăm lẻ sáu) đồng đã bao gồm VAT. Đến ngày 04/11/2020, hai bên ký phụ lục Hợp đồng số 1623-01/2020/PLHĐMB/TP-V điều chỉnh giá trị Hợp đồng lên thành 1.557.408.006 (một tỷ năm trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm lẻ tám nghìn không trăm lẻ sáu) đồng đã bao gồm VAT.

- Về phía TP đã thực hiện đúng Hợp đồng, giao hàng hóa đúng chất lượng, số lượng, tiến độ và theo các thỏa thuận khác trong Hợp đồng cho V theo biên bản giao ngày 30/11/2020, và đã xuất 02 hóa đơn số 0013901 ngày 30/11/2020 và hóa đơn số 0013483 ngày 19/11/2020 cho V.

- Thời hạn thanh toán như sau:

+ Ngày 15/10/2020: Đã thanh toán 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng.

+ Ngày 27/10/2020: Đã thanh toán 70.724.146 (bảy mươi triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn một trăm bốn mươi sáu) đồng.

+ Số tiền còn lại là 1.416.683.860 (một tỷ bốn trăm mười sáu triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn tám trăm sáu mươi) đồng thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày giao hàng (ngày giao hàng là ngày 30/11/2020). Theo hợp đồng thì số tiền này được đảm bảo thanh toán bằng chứng thư bảo lãnh của ngân hàng, tuy nhiên việc thanh toán bằng chứng thư bảo lãnh đã không thực hiện được, cho nên quá thời hạn 30 ngày trên, V phải có nghĩa vụ thanh toán cho TP. Sau nhiều lần TP cử nhân viên đến trụ sở của V để làm việc trực tiếp, cũng như gửi các công văn yêu cầu thanh toán thì đến nay V chỉ xác nhận các khoản nợ ngày 31/12/2020 và biên bản làm việc ngày 26/04/2021 chứ vẫn chưa thanh toán cho TP số tiền này.

Theo Điều 9 của Hợp đồng thì bên vi phạm phải có nghĩa vụ thanh toán tiền chậm thanh toán cộng với lãi suất nợ quá hạn bằng lãi suất cho vay kinh doanh của ngân hàng nhà nước nhân với 150%. Theo đó, TP yêu cầu áp dụng mức lãi suất cho vay kinh doanh của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam là 5.5%/năm, mức lãi suất quá hạn là 8.25%/năm là phù hợp. Số tiền lãi nợ quá hạn tạm tính đến ngày 10/11/2021 là 100.545.741 (một trăm triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm bốn mươi mốt) đồng theo bảng kê đính kèm.

- Như vậy, tạm tính đến ngày 10/11/2021, V có nghĩa vụ thanh toán cho TP số tiền nợ cả gốc và lãi tổng cộng là 1.517.229.601 (một tỷ năm trăm mười bảy triệu hai trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm lẻ một) đồng, và có nghĩa vụ tiếp tục chịu tiền lãi trên số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất 8.25%/năm đến khi thanh toán xong.

TP khởi kiện yêu cầu:

+ Buộc Công ty V thanh toán ngay cho Công ty TP số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 10/11/2021 tổng cộng là 1.517.229.601 (một tỷ năm trăm mười bảy triệu hai trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm lẻ một) đồng, bao gồm nợ gốc là 1.416.683.860 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 31/12/2020 đến ngày 10/11/2021 (lãi suất 8.25%/năm) là 100.545.741 đồng.

+ Buộc Công ty Cổ phần V tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo lãi suất 8.25%/năm kể từ ngày 11/11/2021 đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên .

Tại phiên tòa sơ thẩm: nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi trên số tiền nợ gốc 1.416.683.860 đồng theo mức lãi suất 13,5%, thời gian tính từ ngày 31/12/2020 đến ngày 01/03/2023, cụ thể như sau: 1.416.683.860 đồng x 790 ngày x (lãi suất 9% x 150%) = 413.943.380 đồng.

Bị đơn Công ty Cổ phần V mã số doanh nghiệp 031163xxxx đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập nhưng vắng mặt không có lý do và không vì sự kiện bất khả kháng, đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**Với nội dung trên, tại Bản án sơ thẩm số 20/2023/KDTM-ST ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:**

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 238, 264, 266, 267, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357, 385 và Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 2, 6, 7, 7a, 7b và Điều 9, 30,31 của Luật Thi hành án dân sự năm 2014;

- Khoản 2 Điều 26, 27 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu nguyên đơn Công ty Cổ phần cáp điện TP.

1. Buộc Công ty Cổ phần V phải thanh toán cho Công ty Cổ phần cáp điện TP tổng số tiền 1.830.627.240 (một tỷ tám trăm ba mươi triệu sáu trăm hai

mươi bảy nghìn hai trăm bốn mươi) đồng, một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

3.1. Buộc Công ty Cổ phần V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 39.091.881 (ba mươi chín triệu không trăm chín mươi mốt nghìn tám trăm tám mươi mốt) đồng.

3.2. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần cáp điện TP số tiền 28.758.444 (hai mươi tám triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm bốn mươi bốn) đồng tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo biên lai thu số 0034842 ngày 27/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, tòa án cấp sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13 tháng 3 năm 2023, bị đơn – Công ty Cổ phần V làm đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 20/2023/KDTM-ST ngày 01/3/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú với lý do Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, đánh giá không khách quan toàn diện, đầy đủ, chính xác các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án dẫn đến việc ra bản án không đúng qui định của pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Công ty V đã tuân thủ điều kiện thanh toán theo hợp đồng nhưng do Công ty TP giao hàng trễ hơn tiến độ trong hợp đồng cũng như không thực hiện việc yêu cầu giải ngân đúng qui định trong chứng thư bảo lãnh do Ngân hàng MM phát hành nên dẫn đến quá thời hạn bảo lãnh của chứng thư và mất hiệu lực thực hiện, do đó bị đơn không đồng ý thanh toán tiền lãi chậm thanh toán. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng khấu trừ các khoản bồi thường TP phải chịu vào phần tiền còn lại của Hợp đồng, không chấp nhận yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán bởi việc ngân hàng MM không thể giải ngân cho TP là do lỗi của nguyên đơn gây ra từ việc giao hàng chậm tiến độ theo qui định.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- *Người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn trình bày:* Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Việc TP giao hàng trễ đã gây thiệt hại cho bị đơn số tiền là 307.000.000 đồng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng cấn trừ số tiền này vào số tiền nợ gốc tiền hàng chưa thanh toán cho Công ty TP là 1.416.683.860 đồng, không đồng ý chịu tiền lãi chậm thanh toán bởi việc Ngân hàng MM không thể giải ngân cho Công ty TP là hoàn toàn do lỗi của Công ty TP gây ra từ việc giao hàng chậm tiến độ theo quy định nên chứng thư bảo lãnh hết hạn.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày*: Kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở. Bị đơn cho rằng nguyên đơn giao hàng trễ nhưng bị đơn vẫn tiến hành việc giao nhận hàng mà không có ý kiến gì khiếu nại về việc giao hàng trễ hay giao hàng không đúng chất lượng theo hợp đồng và bị đơn cũng không có đơn phản tố tại sơ thẩm. Công ty TP khởi kiện Công ty V xuất phát từ hợp đồng mua bán hàng hóa với V, không liên quan đến Ngân hàng MM. Tại tòa nguyên đơn xác định vẫn giữ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả theo mức 8,25%/năm. Nguyên đơn đồng ý và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại mức lãi suất chậm thanh toán từ 13,5%/năm theo Bản án sơ thẩm đã tuyên xuống 8,25%/năm theo đúng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:* Việc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét Bản án sơ thẩm không ghi nhận đúng ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú đối với nội dung giải quyết về tiền lãi của nguyên đơn là vi phạm khoản 1, khoản 3 Điều 28 Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/08/2016 quy định việc phối hợp giữa Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân trong việc thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mặt khác, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định và tuyên buộc Công ty V trả tiền lãi chậm thanh toán theo mức 9% x 150% = 13,5%/năm là bất lợi cho V; không đúng theo Thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu khởi kiện của Công ty TP buộc Công ty V tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 8,25%/năm kể từ ngày 11/11/2021 đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty Cổ phần V, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu buộc Công ty V trả nợ gốc 1.416.683.860 đồng, trả tiền lãi chậm thanh toán và lãi thi hành án theo mức lãi suất 8,25%/năm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe các đương sự trình bày, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa hôm nay các bên không tự hòa giải với nhau được về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa hai pháp nhân và đều có mục đích lợi nhuận, bị đơn - Công ty Cổ phần V có địa chỉ trụ sở làm việc tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án nhân dân quận Tân Phú xét xử sơ thẩm là phù hợp quy định về thẩm quyền giải quyết theo qui định tại Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 36 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Đơn kháng cáo của bị đơn được nộp trong thời hạn quy định là hợp lệ, nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp qui định tại Điểm b Khoản 3 Điều 38 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn - Công ty Cổ phần V, nhận thấy:

Công ty Cổ phần cáp điện TP (bên bán) ký kết Hợp đồng số 1623/2020/HĐMB/TP-V ngày 08/10/2020 và phụ lục Hợp đồng số 1623-01/2020/PLHĐMB/TP-V ngày 04/11/2020 với Công ty cổ phần V thỏa thuận mua bán hàng hóa là các sản phẩm cáp điện cáp CU/XLPE/PVC 4Cx120mm$^2$ - 0.6/1KV, cáp đồng trần CU 50mm$^2$, cáp CU/PVC 1Cx0.6mm$^2$-0.6/KV xánh lá sọc vàng với tổng trị giá hợp đồng là 1.557.408.006 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty V đã thanh toán 70.000.000 đồng vào ngày 15/10/2020 và đến ngày 27/10/2020 thanh toán thêm 70.724.146 đồng. Công ty TP đã chuyển giao đầy đủ hàng hóa theo Biên bản giao hàng ngày 30/11/2020. Đồng thời, Công ty TP đã xuất hai hóa đơn số 0013483 ngày 19/11/2020, hóa đơn số 0013901 ngày 10/11/2020 và nhiều lần nguyên đơn yêu cầu thanh toán số nợ gốc tiền mua hàng còn lại là 1.416.683.860 đồng nhưng bị đơn không thanh toán, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền mua hàng còn nợ và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

[3] Xét: Hợp đồng số 1623/2020/HĐMB/TP-V ngày 08/10/2020 và phụ lục Hợp đồng số 1623-01/2020/PLHĐMB/TP-V ngày 04/11/2020 được ký kết trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết thỏa thuận giữa hai pháp nhân. Khi giao kết hợp đồng, các bên đều xác định đã biết được đầy đủ thông tin về hàng hóa và các điều khoản của hợp đồng, không có sự nhầm lẫn khi xác lập giao dịch hợp đồng, không vi phạm điều cấm của luật, không có dấu hiệu nào về việc lừa dối, đe dọa, cưỡng ép nên hợp đồng đã phát sinh hiệu lực và cả hai bên đều phải tuân thủ thực hiện theo đúng các điều khoản hợp đồng mà cả hai bên đã tự nguyện giao kết.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của bị đơn thừa nhận số nợ gốc tiền hàng chưa thanh toán cho Công ty TP là 1.416.683.860 đồng, tuy nhiên bị đơn xác định việc chưa thanh toán là do TP giao hàng chậm tiến độ dẫn đến việc Công ty V bị thiệt hại do phát sinh thêm chi phí cho Công ty V nên yêu cầu được cấn trừ phần thiệt hại phát sinh này vào số tiền hàng chưa thanh toán. Bị đơn xác định yêu cầu này bị đơn mới phát sinh khi nhận được bản án sơ thẩm.

Bị đơn Công ty V đã được tòa án cấp sơ thẩm tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số 89/2021/TB-TLVA ngày 27/12/2024; Đơn khởi kiện, biết rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm, cũng như không làm đơn yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo qui định tại Điều 202 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó trong phạm vi xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo nên yêu cầu của bị đơn xin được cấn trừ số tiền thiệt hại do nguyên đơn giao hàng trễ vào tiền hàng chưa thanh toán không được Hội đồng xét xử chấp nhận do yêu cầu phạt vi phạm và yêu cầu bồi thường thiệt hại bị đơn chưa yêu cầu tòa án cấp sơ thẩm giải quyết nên không thuộc phạm vi xem xét của tòa án cấp phúc thẩm.

[5] Xét tại phiên tòa bị đơn thừa nhận số tiền hàng còn nợ chưa thanh toán cho TP là 1.416.683.860 đồng, do đó tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc chưa thanh toán là có cơ sở phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Điều 3 Hợp đồng và Điều 50 Luật Thương mại năm 2005.

[6] Xét kháng cáo của bị đơn cho rằng tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán cho nguyên đơn là không đúng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Công ty V vi phạm nghĩa vụ thanh toán và đến nay vẫn chưa trả lại số tiền 1.416.683.860 đồng. Tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 24/02/2021 và Biên bản làm việc ngày 26/4/2021 bị đơn đã xác nhận số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 1.416.683.860 đồng và đã cam kết thanh toán nhưng đến nay vẫn không thanh toán. Theo Điều 9 của Hợp đồng thì hai bên thỏa thuận bên vi phạm phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi chậm thanh toán bằng lãi suất cho vay kinh doanh của ngân hàng nhà nước nhân với 150%. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn - Công ty TP; Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân quận Tân Phú và biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 01/3/2023 đều thể hiện Công ty TP yêu cầu Công ty V thanh toán nợ gốc số tiền 1.416.683.860 đồng và trả tiền lãi tạm tính từ ngày 31/12/2020 đến ngày 10/11/2021 theo mức lãi suất cho vay kinh doanh của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam là 5.5%/năm, mức lãi suất quá hạn là 8.25%/năm với số tiền là 100.545.741 đồng; buộc Công ty V tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 8,25%/năm kể từ ngày 11/11/2021 đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Tuy nhiên tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định và tuyên buộc Công ty V trả tiền lãi chậm thanh toán theo mức 9% x 150% = 13,5%/năm là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không đúng theo Thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu khởi kiện của Công ty TP.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn - Công ty TP xác định tại phiên tòa sơ thẩm, phía nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả theo mức 8,25%/năm. Việc cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 13,5%/năm là không đúng. Do đó, nguyên đơn đồng ý và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại mức lãi suất chậm thanh toán từ 13,5%/năm theo Bản án sơ thẩm đã tuyên xuống 8,25%/năm theo đúng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 31/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 01/3/2023 theo mức

lãi suất 8,25% trên số tiền nợ nêu trên với số tiền 262.971.942 đồng là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Điều 9 của Hợp đồng và phù hợp với qui định tại Điều 306 Luật Thương mại nên có cơ sở để hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn sửa án sơ thẩm về tiền lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

[7] Xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên: "*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015*" là không chính xác. Đây là trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền hàng trong hợp đồng kinh doanh thương mại mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không có thỏa thuận về mức lãi suất nên cần thiết phải điều chỉnh lại cho đúng theo hướng dẫn tại Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[8] Do sửa án sơ thẩm nên Công ty Cổ phần V không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên.

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

## QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn - Công ty Cổ phần V, sửa bản án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 50 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.
- Áp dụng khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 3/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;
- Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.
- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Tuyên xử:***

Chấp nhận yêu cầu nguyên đơn - Công ty Cổ phần cáp điện TP.

1- Buộc Công ty Cổ phần V phải thanh toán cho Công ty Cổ phần cáp điện TP tổng số tiền là 1.679.655.802 đồng (một tỷ sáu trăm bảy mươi chín triệu

sáu trăm năm mươi năm ngàn tám trăm lẻ hai đồng). Trong đó số tiền nợ gốc là 1.416.683.860 đồng và số tiền lãi là 262.971.932 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

**2/ Về án phí:**

- Công ty Cổ phần V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 62.389.674 đồng (Sáu mươi hai triệu ba trăm tám chín ngàn sáu trăm bảy bốn) đồng .

- Công ty Cổ phần cáp điện TP không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần cáp điện TP số tiền 28.758.444 (hai mươi tám triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm bốn mươi bốn) đồng tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo biên lai thu số 0034842 ngày 27/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty cổ phần V không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần V số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0014037 ngày 15/5/ 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thu Chinh**